TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2021/DS-PT
Ngày: 02 - 3 – 202
"V/v tranh chấp Hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đức Long

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Nghĩa và bà Từ Thị Hải Dương

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Như Ngọc – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình: ông Nguyễn Anh Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 32/2020/TLPT – DS ngày 10 tháng 11 năm 2020 về việc: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2020/DS – ST ngày 28 tháng 9 năm 2020 của Toà án nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 2037/2020/QĐ-PT ngày 29/12/2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Bà Võ Thị Thu H.
Địa chỉ: Thôn T, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Có mặt

2. *Bị đơn*: Anh Phạm Duy L
Chị Nguyễn Thị N.

Địa chỉ: Thôn T, xã C, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Có mặt

Người kháng cáo: bị đơn anh Phạm Duy L và chị Nguyễn Thị N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyên đơn bà Võ Thị Thu H trình bày: Ngày 18/3/2013 vợ chồng anh Phạm Duy L và chị Nguyễn Thị N có vay của bà số tiền 50.000.000 đồng, khi vay vợ chồng anh L, chị N có đưa cho bà Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hai vợ chồng để làm tin, việc vay mượn có lập thành văn bản và hẹn trả nợ vào ngày 09/4/2013. Tuy nhiên, đến thời hạn trả nợ, vợ chồng anh L và chị N

vẫn không thực hiện việc trả nợ cho bà. Sau đó khoảng một tháng, anh L đến nhà của bà xin mượn lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để đi thế chấp nơi khác, anh L hứa sau khi thế chấp được sẽ trả toàn bộ số tiền đã vay cho bà . Do tin tưởng nên bà đã đưa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng anh L. Tuy nhiên từ đó đến nay, vợ chồng anh L và chị N vẫn chưa trả hết khoản nợ, vì vậy bà làm đơn khởi kiện đến Tòa án yêu cầu vợ chồng anh L, chị N trả lại số tiền 50.000.000 đồng đã vay và không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn anh Phạm Duy L và chị Nguyễn Thị N trình bày: Anh, chị thừa nhận có vay của bà H 50.000.000 đồng vào ngày 18/3/2013, việc vay mượn có lập thành văn bản và hẹn ngày trả nợ là ngày 09/4/2013. Anh, chị có thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bản sao Sổ hộ khẩu của và bản sao Giấy chứng minh nhân dân của anh chị. Đúng ngày hẹn trả tiền anh L đã đem số tiền 50.000.000 đồng đến trả tại nhà riêng của bà H và nhận lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu của hai vợ chồng. Việc trả tiền chỉ bằng miệng và không có giấy tờ gì, hơn nữa, anh đã nhận lại tài sản và do tin tưởng nên anh L không lấy lại giấy vay nợ mà bà H đang cất giữ, do đó bà H lấy giấy này để khởi kiện vợ chồng anh, chị là không đúng sự thực.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 09/2020/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch đã quyết định:

Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; các Điều 471, 474 Bộ luật dân sự 2005; Điều 468; 688 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án, tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị Thu H, buộc vợ chồng ông Phạm Duy L, bà Nguyễn Thị N phải có nghĩa vụ trả nợ cho bà Võ Thị Thu H số tiền nợ gốc 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 10/10/2020 bị đơn anh Phạm Duy L, chị Nguyễn Thị N làm đơn kháng cáo Bản án sơ thẩm với nội dung: kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm số 09/2020/DSST ngày 28/9/2020 của TAND huyện Quảng Trạch, không chấp nhận đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị H về việc yêu cầu vợ chồng anh L, chị N trả nợ số tiền 50.000.000 đồng

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch.

Bị đơn vẫn giữ nguyên nội dung trong đơn kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án và quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Các đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của mình.

+ Về nội dung: Có căn cứ để khẳng định anh Phạm Duy L và chị Nguyễn Thị N vay của bà Võ Thị Thu H số tiền 50.000.000 đồng có thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Hồ sơ thể hiện việc bà H cung cấp chứng cứ là giấy vay tiền, anh L và chị N không cung cấp được chứng cứ đã trả xong, do đó đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng hình sự: Không chấp nhận kháng cáo của anh Phạm Duy L và chị Nguyễn Thị N, giữ nguyên Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Anh Phạm Duy L và chị Nguyễn Thị N phải chịu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Ngày 28 tháng 9 năm 2020, Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch xét xử sơ thẩm và ban hành Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2020/DS-ST về việc "tranh chấp hợp đồng vay tài sản", ngày 10/10/2020 bị đơn anh Phạm Duy L và chị Nguyễn Thị N làm đơn kháng cáo. Đơn kháng cáo của bị đơn làm trong hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đúng quy định tại Điều 272 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự nên chấp nhận để giải quyết, xét xử theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Xét kháng cáo về việc không chấp nhận đơn khởi kiện của Nguyên đơn bà Võ Thị Thu H, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Xét lời trình bày của các đương sự về việc vay số tiền 50.000.000 đồng: Tại các bản tự khai và biên bản hòa giải ngày 31/8/2020 do Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch lập, nguyên đơn bà Võ Thị Thu H và bị đơn anh Phạm Duy L, chị Nguyễn Thị N đều thống nhất vào ngày 18/3/2013, anh L và chị N đã vay của bà H số tiền 50.000.000 đồng. Khi vay, bên vay đã lập "GIẤY VAY TIỀN (có thế chấp thẻ đất)" có nội dung vay 50.000.000 đồng, thời hạn vay kể từ ngày 19/3/2013 đến ngày 09/4/2013 cam kết sẽ hoàn trả cả vốn lẫn lãi và giao cho bà H giữ. Như vậy, các đương sự đã thừa nhận nội dung này nên có thể khẳng định việc vay tiền là đúng sự thực.

[2.2] Xét việc thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất:

Bà H, anh L và chị N đã thống nhất nội dung: anh L và chị N có giao cho bà H Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có diện tích 90m^2, thửa 857, tờ bản đồ số 8 tại thôn D, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình mang tên Phạm Duy L để thế chấp khoản vay cùng với bản phô tô Sổ hộ khẩu gia đình và giấy Chứng minh nhân dân và thỏa thuận điều kiện nếu không trả gốc và lãi thì quyền sử dụng đất sẽ thuộc về bà Võ Thị Thu H, vợ chồng anh L, chị N có trách nhiệm sang tên đổi

chủ theo pháp luật. Nội dung này được bà H và anh L, chị N thừa nhận; nên xác định vào thời điểm vay, anh L và chị N có thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của mình cho bà H là có cơ sở.

[2.3] Xét lời trình bày của anh L, chị N về việc đã trả khoản vay cho bà H, nhận thấy:

Kèm theo đơn khởi kiện, bà H cung cấp cho Tòa án 01 giấy viết tay vay tiền và trình bày về nội dung đã trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của anh Phạm Duy L đã thế chấp cho bà. Bà H trình bày sau khi vay khoảng 01 tháng, anh L có đến xin bà mượn lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để đi thế chấp nơi khác, anh L có hứa khi thế chấp được sẽ trả lại số tiền vay cho bà H, do tin tưởng nên bà H giao Giấy chứng nhận cho anh L mà không lập văn bản về nội dung này.

Phía bị đơn anh L và chị N cho rằng đã trả xong khoản vay cùng với tiền lãi và trả đúng hạn ghi trên giấy vay tiền, đã nhận lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và sổ Hộ khẩu, Chứng minh nhân dân từ bà H.

Hội đồng xét xử qua xem xét các tài liệu do các bên đương sự cung cấp và lời trình bày của các bên, thấy: Giấy vay tiền có kèm theo điều kiện là thế chấp tài sản, đây là hợp đồng vay có điều kiện, trường hợp vi phạm nghĩa vụ trả nợ, bà H có quyền yêu cầu anh L, chị N thực hiện cam kết về quyền sử dụng đất mà các bên đã thỏa thuận, hoặc nếu trường hợp anh L xin nhận lại tài sản đã thế chấp mà chưa trả nợ thì các bên phải lập văn bản về nội dung này, nhưng bà H không cung cấp được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà anh L đã giao, ngoài ra, quá trình cung cấp chứng cứ, bà H cũng không cung cấp được Sổ hộ khẩu, chứng minh nhân dân mà anh L, chị N đã thế chấp cho bà mà chỉ cung cấp Giấy vay tiền.

Lời trình bày của bị đơn anh L cho rằng khi trả xong tiền, nhận lại các giấy tờ đã thế chấp nhưng không yêu cầu hủy bỏ giấy vay tiền: Hội đồng xét xử xét thấy: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thế chấp hiện nay anh L đang quản lý, như đã phân tích ở trên, hợp đồng vay tiền này là hợp đồng có điều kiện, khi trả xong các khoản vay, lãi thì mới nhận lại tài sản thế chấp, nếu không trả, tài sản thuộc về người đã cho vay, anh L, chị N chứng minh được điều kiện đã trả xong nợ mới nhận được các tài sản của mình từ bà H. Mặt khác, bà H không yêu cầu lãi trong khoản vay mà chỉ yêu cầu nợ gốc, chứng tỏ, không xác định được lãi suất cũng như vi phạm nghĩa vụ trả nợ của anh L, chị N. Do đó, có cơ sở để khẳng định anh L, chị N đã hoàn thành nghĩa vụ trả nợ trong hợp đồng vay tài sản và đã nhận lại tài sản từ người cho vay.

Từ những phân tích trên, nghĩ nên chấp nhận kháng cáo của anh Phạm Duy L và chị Nguyễn Thị N, căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận kháng cáo của anh Phạm Duy L và chị Nguyễn Thị N để sửa án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Thu H là phù hợp với các tình tiết khách quan của vụ án cũng như các chứng cứ mà các bên đương sự cung cấp

[3]. Về Án phí: Bị đơn anh Phạm Duy L và chị Nguyễn Thị N kháng cáo được Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận nên không phải chịu án phí dân sự phúc

thẩm, Nguyên đơn bà Võ Thị Thu H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nhưng có đơn xin miễn giảm án phí và thuộc người cao tuổi nên được miễn áp phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng các Điều 116 , 120, 372, 373 401, 402, 463 và 688 của Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 12, Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận kháng cáo của bị đơn anh Phạm Duy L và chị Nguyễn Thị N, sửa Bản án sơ thẩm số 09/2020/DS-ST, ngày 28 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình.

Xử: Không chấp nhận đơn khởi kiện của và Võ Thị Thu H về việc yêu cầu anh Phạm Duy L và chị Nguyễn Thị N trả số tiền 50.00.000 đồng vì anh Phạm Duy L và chị Nguyễn Thị N đã hoàn thành nghĩa vụ trả nợ trong hợp đồng vay tài sản với bà Võ Thị Thu H.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho bà Võ Thị Thu H do là người cao tuổi. Bà Võ Thị Thu H được nhận lại 625.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007425 ngày 03/8/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Anh Phạm Duy L và chị Nguyễn Thị N không phải chịu, được nhận lại 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007440 ngày 16/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 02 tháng 3 năm 2021)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TANDCC tại Đà Nẵng;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- TAND huyện Quảng Trạch;
- Chi cụcTHADS huyện Quảng Trạch;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

Trần Đức Long